

Bản mới ngày 11/11/17

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

Phòng Đào tạo Đại học

Bảng ghi điểm học phần

Học kỳ 1 - Năm học 2016-2017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã học phần/Nhóm: 4040406 nhóm 02 Tên học phần: Tiếng Anh chuyên ngành địa chất

Số tín chỉ: 3

Mã CBGD: 0404-04

Tên CBGD: Trần Bình Chư

Trang 1 / 1

STT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Lớp	A	B1	B2	B3	B	C1	C2	C	ĐGHP	Ghi chú
1	1321020411	Nguyễn Hoàng Anh	18/03/1995	DCDCDC_58B	7	6	5	6	5.7	8	9	8.5	6.8	
2	1321020423	Trần Ngọc ánh	01/06/1995	DCDCDC_58B	7.5	6	7	6	6.3	10	9	9.5	7.3	
3	1321020430	Nguyễn Khương Bình	07/06/1993	DCDCDC_58B	7	5	6	6	5.7	10	9	9.5	6.9	
4	1321020439	Nguyễn Hoàng Chính	18/01/1995	DCDCDC_58B	6	6	5	6	5.7	8	9	8.5	6.2	
5	1321020030	Trần Văn Chương	18/11/1995	DCDCDC_58B	7	6	5	6	5.7	8	9	8.5	6.8	
6	1321020445	Đỗ Mạnh Cường	01/05/1995	DCDCDC_58A	6	7	6	6	6.3	8	9	8.5	6.3	
7	1321020474	Đinh Quốc Đạt	04/04/1995	DCDCDC_58B	5	5	6	5	5.3	10	9	9.5	5.5	
8	1321020069	Ngô Hải Đoàn	12/10/1995	DCDCDC_58B	6	6	5	6	5.7	8	9	8.5	6.2	
9	1321020494	Nguyễn Văn Đồng	07/06/1994	DCDCDC_58B	8	7	6	6	6.3	8	9	8.5	7.5	
10	1321020517	Phạm Tuấn Hải	11/01/1994	DCDCDC_58A	7	6	6	6	6	8	9	8.5	6.9	
11	1321020523	Nguyễn Đình Hạnh	08/10/1995	DCDCDC_58B	5.5	5	6	5	5.3	9	10	9.5	5.8	
12	1321020090	Nguyễn Thị Hằng	17/01/1995	DCDCDC_58B	7	6	6	5	5.7	8	9	8.5	6.8	
13	1321020102	Nguyễn Thị Hoa	30/10/1995	DCDCDC_58B	8	7	9	7	7.7	10	9	9.5	8.1	
14	1321020555	Lê Văn Hùng	23/07/1995	DCDCDC_58B	6.5	6	6	6	6	8	9	8.5	6.6	
15	1321020122	Phạm Thị Hương	28/08/1995	DCDCDC_58B	9	9	8	9	8.7	10	9	9.5	9.0	
16	1321020124	Vì Văn Hường	16/02/1995	DCDCDC_58B	5	6	5	5	5.3	8	9	8.5	5.4	
17	1321020590	Trần Quang Khánh	26/03/1995	DCDCDC_58B	4.5	5	5	6	5.3	10	9	9.5	5.2	
18	1321020145	Lê Thị Ngọc Mai	21/10/1995	DCDCDC_58B	7.5	9	8	7	8	10	9	9.5	7.9	
19	1321020621	Nguyễn Thị Mai	20/10/1995	DCDCDC_58B	8	9	7	6	7.3	10	9	9.5	7.9	
20	1321020634	Nguyễn Duy Anh Minh	19/05/1995	DCDCDC_58A	6	5	6	5	5.3	8	9	8.5	6.0	
21	1321020152	Lâm Văn Mừng	27/08/1995	DCDCDC_58B	5	5	6	6	5.7	7	8	7.5	5.5	
22	1321020658	Trần Bá Nhật	26/02/1995	DCDCDC_58B	6.5	6	5	6	5.7	8	9	8.5	6.5	
23	1321020163	Nguyễn Mạnh Phúc	24/08/1995	DCDCDC_58B	7	9	6	6	7	8	9	8.5	7.2	
24	1321020167	Phạm Thị Thủy Phương	08/08/1995	DCDCDC_58B	7.5	6	7	6	6.3	8	9	8.5	7.2	
25	1321020678	Nguyễn Ích Quang	07/02/1995	DCDCDC_58B	8	9	6	7	7.3	9	10	9.5	7.9	
26	1321020685	Nguyễn Trọng Quân	28/04/1995	DCDCDC_58B	7	7	6	7	6.7	9	8	8.5	7.1	
27	1321020176	Lưu Xuân Quý	12/09/1993	DCDCDC_58B	7	6	6	7	6.3	10	9	9.5	7.0	
28	1321020695	Bùi Hoàng Sơn	13/05/1995	DCDCDC_58B	5	6	6	5	5.7	8	9	8.5	5.6	
29	1321040243	Nguyễn Ngọc Tân	22/01/1995	DCDCDC_58A	6.5	9	7	8	8	8	9	8.5	7.2	
30	1321020197	Đặng Đình Thao	09/09/1993	DCDCDC_58B	4.5	5	5	6	5.3	8	9	8.5	5.1	
31	1321020205	Nguyễn Thị Thoa	31/05/1994	DCDCDC_58B	9	9	8	9	8.7	10	9	9.5	9.0	
32	1321020211	Đặng Văn Thuận	02/06/1994	DCDCDC_58B	7	6	6	6	6	8	9	8.5	6.9	
33	1321020758	Trần Minh Toàn	19/05/1995	DCDCDC_58B	7	5	6	6	5.7	8	9	8.5	6.8	
34	1321020759	Trần Văn Toàn	10/02/1995	DCDCDC_58B	8	6	6	6	6	8	9	8.5	7.5	
35	1321020762	Trần Thị Thu Trang	16/09/1995	DCDCDC_58B	8	6	7	7	6.7	10	9	9.5	7.8	
36	1321020783	Lê Văn Tuấn	23/03/1995	DCDCDC_58B	6	5	6	5	5.3	10	9	9.5	6.1	
37	1321020244	Nguyễn Duy Tùng	20/06/1993	DCDCDC_58B	7	6	6	5	5.7	8	9	8.5	6.8	
38	1321020256	Cao Văn Vương	14/03/1995	DCDCDC_58B	6.5	6	6	6	6	8	7	7.5	6.5	
39	1321020817	Bùi Thị Hà Xuyên	12/01/1995	DCDCDC_58B	8.5	7	6	7	6.7	10	9	9.5	8.1	

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2017

Cán bộ chấm thi 2

(Ký và ghi rõ họ tên)

1/1/17
Hoàng Thị Thoa

Cán bộ chấm thi 1

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Bình Chư
Phụ TS Trần Bình Chư